

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29

77  
N  
TN  
EM  
O  
XL

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

---

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Phan Văn Thành**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 032804/2024/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa thực hiện kết chuyển hết chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2023 để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà thực hiện vốn hóa vào giá trị "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 1.882.298.224 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2023 đang bị phản ánh thấp hơn thực tế và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo này cũng đang bị phản ánh cao hơn thực tế cùng với số tiền là 1.882.298.224 đồng. Chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang", "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đang bị phản ánh cao hơn với giá trị tương ứng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 47.119.868.938 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 37.852.147.239 đồng). Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 41.428.348.283 đồng (năm 2022 lỗ 12.091.052.856 đồng), dẫn đến lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2023 là 53.519.401.139 đồng (lỗ lũy kế ngày 01/01/2023 là 12.091.052.856 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính tổng hợp không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Lê Quốc Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.369.717.715</b>	<b>32.043.431.162</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.736.799.649	7.331.040.285
1. Tiền	111		3.736.799.649	7.331.040.285
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.276.009.997	9.880.427.805
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.465.577.568	15.358.092.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		243.073.000	843.073.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.368.663.475	2.286.473.897
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(11.801.304.046)	(8.607.211.338)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	13.271.030.741	13.798.399.555
1. Hàng tồn kho	141		13.301.260.852	13.876.312.256
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.230.111)	(77.912.701)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.877.328	33.563.517
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	85.877.328	33.563.517
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.399.338.991</b>	<b>206.626.567.975</b>
I. Tài sản cố định	220		118.057.769.007	115.532.792.874
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	118.057.769.007	115.532.792.874
- Nguyên giá	222		239.966.861.932	231.079.904.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.909.092.925)	(115.547.111.775)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.269.669.332	23.083.279.286
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	26.269.669.332	23.083.279.286
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28.095.490.316	66.478.447.870
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.744.509.684)	(15.361.552.130)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		976.410.336	1.532.047.945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		976.410.336	1.532.047.945
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>194.769.056.706</b>	<b>238.669.999.137</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.339.077.080</b>	<b>71.811.671.228</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.489.586.653</b>	<b>69.895.578.401</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.805.898.096	4.264.298.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		479.237.100	1.529.649.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	344.946.691	226.950.106
4. Phải trả người lao động	314		6.950.482.665	5.680.637.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		194.339.385	219.094.405
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		160.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	2.696.902.265	3.744.682.758
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	47.757.153.363	48.312.697.071
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.100.627.088	5.917.569.188
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>849.490.427</b>	<b>1.916.092.827</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	292.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	557.490.427	1.624.092.827
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125.429.979.626</b>	<b>166.858.327.909</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>124.749.979.626</b>	<b>166.178.327.909</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(53.519.401.139)	(12.091.052.856)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(12.091.052.856)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>194.769.056.706</b>	<b>238.669.999.137</b>

Phan Hữu Bằng  
 Người lập biểu

Phan Hữu Bằng  
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Ngày 28 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62.630.909.287	60.977.222.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		133.331.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	62.497.578.287	60.977.222.187
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.468.217.836	53.857.655.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.029.360.451	7.119.566.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	53.006.170	10.073.091.144
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.962.251.562	19.403.480.312
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.579.294.008	4.028.117.421
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	154.040.000	311.498.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.303.512.442	15.205.806.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(43.337.437.383)	(17.728.127.181)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.282.214.275	6.333.722.308
12. Chi phí khác	32	VI.8	373.125.175	696.647.983
13. Lợi nhuận khác	40		1.909.089.100	5.637.074.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(2.425)	(708)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(2.425)	(708)

Phan Hữu Bằng  
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.387.116.322	7.768.111.824
Các khoản dự phòng	03	42.529.367.672	18.606.049.432
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	174.283.119	(10.073.091.144)
Chi phí lãi vay	06	4.579.294.008	4.028.117.421
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	12.241.712.838	8.238.134.677
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.521.089.568	(1.620.539.101)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	527.368.814	(1.396.771.609)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(8.305.117.675)	(7.220.072.700)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	555.637.609	175.162.290
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.604.049.028)	(3.973.321.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.936.642.126	(5.797.407.644)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.960.841.585)	(3.308.107.931)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.104.931	24.160.064.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.908.736.654)	20.851.956.611
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	80.293.945.571	52.848.178.560
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.916.091.679)	(52.614.613.586)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.565.802.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.622.146.108)	(9.332.237.986)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.594.240.636)	5.722.310.981
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.331.040.285	1.608.729.304
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.736.799.649	7.331.040.285

Phan Hữu Bằng  
 Người lập biểu

Phan Hữu Bằng  
 Kế toán trưởng

Phan Văn Thành  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Ngày 28 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19 tháng 11 năm 2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19 tháng 11 năm 2021, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 170.817.910.000 đồng tương đương với 17.081.791 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình có trụ sở chính tại Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc năm tài chính tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh gỗ Phú Quý, địa chỉ tại TK 7, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

**6. Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 480 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 459 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, giá vốn và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 47.119.868.938 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 37.852.147.239 đồng). Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 41.428.348.283 đồng (năm 2022 lỗ 12.091.052.856 đồng), dẫn đến lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2023 là 53.519.401.139 đồng (lỗ lũy kế ngày 01/01/2023 là 12.091.052.856 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể:

- + Sắp xếp nhân sự các phòng ban bộ phận quản lý tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.
- + Nâng cao sản lượng khai thác mỏ cao su.
- + Đầu tư cây cao su trồng mới
- + Mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất từ gỗ tại nhà máy gỗ Phú Quý.
- + Tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trồng xen canh các loại cây ngắn ngày tại các địa điểm cây cao su già hết sản lượng khai thác đã thanh lý chưa trồng mới.
- ....

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.444.847.250	347.421.921
Tiền gửi ngân hàng	2.291.952.399	6.983.618.364
<b>Cộng</b>	<b>3.736.799.649</b>	<b>7.331.040.285</b>

**2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGAY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Trái phiếu	-	1.000.000.000
<b>b) Dài hạn</b>		
Trái phiếu	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

Khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn: 10 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 1,3%/năm. Ngày phát hành: 30/10/2023. Ngày đáo hạn 30/10/2033.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	10.349.019.000
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	778.766.518	2.461.617.984
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	3.135.825.482	2.547.455.262
<b>Cộng</b>	<b>13.465.577.568</b>	<b>15.358.092.246</b>
<b>Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh VIII.2 - Bên liên quan)	<b>9.550.985.568</b>	<b>10.349.019.000</b>

**4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	155.989.637	172.398.201
Phải thu khác	2.212.673.838	2.114.075.696
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các cá nhân trông sẵn</i>	1.307.900.744	1.306.999.505
<i>Phải thu khác</i>	904.773.094	807.076.191
<b>Cộng</b>	<b>2.368.663.475</b>	<b>2.286.473.897</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**5. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND					
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>9.922.291.568</b>	<b>50.337.000</b>	<b>9.871.954.568</b>	<b>10.720.325.000</b>		<b>4.078.868.300</b>		<b>6.641.456.700</b>	
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	-	9.550.985.568	10.349.019.000		3.997.040.000		6.351.979.000	
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000		-		115.015.000	
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000		-		60.500.000	
Đối tượng khác	195.791.000	50.337.000	145.454.000	195.791.000		81.828.300		113.962.700	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.938.273.312</b>	<b>8.923.835</b>	<b>1.929.349.478</b>	<b>2.003.279.122</b>		<b>37.524.484</b>		<b>1.965.754.638</b>	
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	65.969.581		-		65.969.581	
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	60.877.129		-		60.877.129	
Đối tượng khác	1.811.426.602	8.923.835	1.802.502.767	1.876.432.412		37.524.484		1.838.907.928	
<b>Cộng</b>	<b>11.860.564.880</b>	<b>59.260.835</b>	<b>11.801.304.046</b>	<b>12.723.604.122</b>		<b>4.116.392.784</b>		<b>8.607.211.338</b>	

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá gốc VND					
Nguyên liệu, vật liệu	1.887.116.813	-	2.226.310.909	-		-		-	
Công cụ, dụng cụ	355.888.613	-	145.875.334	-		-		-	
Chi phí SXKD dở dang	9.688.737.721	-	10.948.293.483	-		-		-	
Thành phẩm	1.353.818.615	(15.540.111)	540.133.440	(63.222.701)		(63.222.701)		(63.222.701)	
Hàng hóa	15.699.090	(14.690.000)	15.699.090	(14.690.000)		(14.690.000)		(14.690.000)	
<b>Cộng</b>	<b>13.301.260.852</b>	<b>(30.230.111)</b>	<b>13.876.312.256</b>	<b>(77.912.701)</b>		<b>(77.912.701)</b>		<b>(77.912.701)</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>													
Số đầu năm	104.400.580.400	20.488.051.733	5.167.481.782	1.807.652.327	97.232.588.956	1.983.549.451	231.079.904.649						
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	725.484.938						725.484.938
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.522.413.635	-	-	-	6.891.483.171	-	8.413.896.806						8.413.896.806
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(252.424.461)	-	(252.424.461)						(252.424.461)
Số cuối năm	105.922.994.035	20.488.051.733	5.167.481.782	1.807.652.327	103.871.647.666	2.709.034.389	239.966.861.932						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>													
Số đầu năm	74.527.161.373	16.348.413.510	5.024.544.429	1.680.579.451	17.335.790.256	630.622.756	115.547.111.775						
Khấu hao trong năm	1.912.780.840	773.246.010	37.407.010	30.960.148	3.512.309.166	120.413.148	6.387.116.322						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(25.135.172)	-	(25.135.172)						(25.135.172)
Số cuối năm	76.439.942.213	17.121.659.520	5.061.951.439	1.711.539.599	20.822.964.250	751.035.904	121.909.092.925						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>													
Số đầu năm	29.873.419.027	4.139.638.223	142.937.353	127.072.876	79.896.798.700	1.352.926.695	115.532.792.874						
Số cuối năm	29.483.051.822	3.366.392.213	105.530.343	96.112.728	83.048.683.416	1.957.998.485	118.057.769.007						

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.183.599.277 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 68.226.750.481 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 58.821.651.079 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 55.315.411.829 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,  
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cao su trồng năm 2015	2.893.938.806	9.729.308.142
Cao su trồng năm 2016	5.694.642.019	5.337.257.396
Cao su trồng năm 2018	6.120.812.018	5.000.854.521
Cao su trồng năm 2022	7.613.826.812	843.070.248
Khác	3.946.449.677	2.172.788.979
<b>Cộng</b>	<b>26.269.669.332</b>	<b>23.083.279.286</b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số tiền là 54.744.509.684 đồng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	1.121.744.400	1.004.534.400
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản T9	723.875.000	470.725.000
Công ty TNHH TM DV & SX Hiệp Nghĩa	637.658.530	637.658.530
Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tiến Đạt	430.113.255	630.113.255
Phải trả nhà cung cấp khác	1.892.506.911	1.521.266.930
<b>Cộng</b>	<b>4.805.898.096</b>	<b>4.264.298.115</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	85.877.328	17.168.600	73.696.376	29.349.552
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.213.965	-	4.213.965
<b>Cộng</b>	<b>85.877.328</b>	<b>21.382.565</b>	<b>73.696.376</b>	<b>33.563.517</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	344.946.691	3.833.988.212	3.715.991.627	226.950.106
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.792.230.065	1.792.230.065	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>344.946.691</b>	<b>5.630.218.277</b>	<b>5.512.221.692</b>	<b>226.950.106</b>

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	729.733.755	849.821.135
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.957.168.510	2.884.861.623
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	634.853.000	834.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	846.318.300	1.346.318.300
- Phải trả khác	475.997.210	703.690.323
<b>Cộng</b>	<b>2.696.902.265</b>	<b>3.744.682.758</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
<b>Cộng</b>	<b>292.000.000</b>	<b>292.000.000</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	23.853.815.464	23.853.815.464	41.434.321.759	40.538.944.451	22.958.438.156	22.958.438.156
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {ii}	16.326.735.499	16.326.735.499	34.649.623.812	33.731.274.828	15.408.386.515	15.408.386.515
Ngân hàng Chính sách xã hội Huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình	-	-	-	3.049.270.000	3.049.270.000	3.049.270.000
Vay cá nhân {iii}	6.510.000.000	6.510.000.000	4.210.000.000	3.530.000.000	5.830.000.000	5.830.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>46.690.550.963</b>	<b>46.690.550.963</b>	<b>80.293.945.571</b>	<b>80.849.489.279</b>	<b>47.246.094.671</b>	<b>47.246.094.671</b>
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.16)	1.066.602.400	1.066.602.400			1.066.602.400	1.066.602.400
<b>Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>47.757.153.363</b>	<b>47.757.153.363</b>			<b>48.312.697.071</b>	<b>48.312.697.071</b>
<b>Trong đó: Số dư với các bên liên quan</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>			<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2 - Bên liên quan)

{i} Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 808005785795/2023-HĐCVHIM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 06/07/2023, tổng mức dư nợ tại mọi thời điểm không quá 25.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 06/07/2023 đến 06/07/2024, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây cao su, trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

{ii} Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 01/2023/525381/HĐTD ngày 26/12/2023, tổng dư nợ vay tối đa theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 16.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và trụ sở nhà xưởng tình chế gỗ phủ quý.

{iii} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 8,52%/năm đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {j}	1.344.380.127	1.344.380.127	-	840.000.000	2.184.380.127	2.184.380.127
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình {j}	279.712.700	279.712.700	-	226.602.400	506.315.100	506.315.100
<b>Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>1.624.092.827</b>	<b>1.624.092.827</b>	<b>-</b>	<b>1.066.602.400</b>	<b>2.690.695.227</b>	<b>2.690.695.227</b>
<b>Phân loại sang vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>(1.066.602.400)</b>	<b>(1.066.602.400)</b>			<b>(1.066.602.400)</b>	<b>(1.066.602.400)</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(840.000.000)	(840.000.000)			(840.000.000)	(440.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình	(226.602.400)	(226.602.400)			(226.602.400)	(226.602.400)
<b>Cộng</b>	<b>557.490.427</b>	<b>557.490.427</b>			<b>1.624.092.827</b>	<b>1.624.092.827</b>

{j} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trụ sở và khuôn viên công ty". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các địa điểm: Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

{ii} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,55%/năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo thỏa thuận được ký kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.066.602.400	1.066.602.400
Từ hai đến năm thứ năm	557.490.427	1.624.092.827
<b>Cộng</b>	<b>1.624.092.827</b>	<b>2.690.695.227</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.066.602.400	1.066.602.400
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>557.490.427</b>	<b>1.624.092.827</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>170.817.910.000</b>	<b>232.634.000</b>	<b>20.160.946.725</b>	<b>191.211.490.725</b>
Lãi trong năm	-	-	(12.091.052.856)	(12.091.052.856)
Chia cổ tức	-	-	(9.565.802.960)	(9.565.802.960)
Phân phối lợi nhuận	-	7.218.836.765	(7.218.836.765)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.376.307.000)	(3.376.307.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>170.817.910.000</b>	<b>7.451.470.765</b>	<b>(12.091.052.856)</b>	<b>166.178.327.909</b>
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	(41.428.348.283)	(41.428.348.283)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>170.817.910.000</b>	<b>7.451.470.765</b>	<b>(53.519.401.139)</b>	<b>124.749.979.626</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	10.581.461	10.581.461
Lê Vũ Thành	3.239.230	3.239.230
Nguyễn Thị Hải	1.000.000	1.000.000
Các cá nhân khác	2.261.100	2.261.100
<b>Cộng</b>	<b>17.081.791</b>	<b>17.081.791</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng kí phát hành</b>	<b>17.081.791</b>	<b>17.081.791</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>17.081.791</b>	<b>17.081.791</b>
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>17.081.791</b>	<b>17.081.791</b>
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	57.799.034.055	55.900.217.387
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.388.011.899	4.338.531.665
Doanh thu khác	310.532.333	738.473.135
<b>Cộng</b>	<b>62.497.578.287</b>	<b>60.977.222.187</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	50.447.252.820	53.810.758.766
Giá vốn khác	23.781.668	131.598.337
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.816.652)	(84.701.540)
<b>Cộng</b>	<b>50.468.217.836</b>	<b>53.857.655.563</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.006.170	145.530.069
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.927.561.075
<b>Cộng</b>	<b>53.006.170</b>	<b>10.073.091.144</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.579.294.008	4.028.117.421
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	-	13.810.761
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	39.382.957.554	15.361.552.130
<b>Cộng</b>	<b>43.962.251.562</b>	<b>19.403.480.312</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua ngoài	110.000.000	196.500.000
Chi phí bằng tiền khác	44.040.000	114.998.148
<b>Cộng</b>	<b>154.040.000</b>	<b>311.498.148</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	4.557.726.265	7.104.653.576
Chi phí khấu hao	609.753.386	1.192.757.790
Chi phí trả trước	307.262.966	293.286.480
Thuế phí và lệ phí	516.441.945	832.786.448
Trích dự phòng phải thu khó đòi	3.190.545.556	3.201.278.399
Chi phí mua ngoài	581.116.344	647.174.489
Chi phí bằng tiền khác	1.540.665.980	1.933.869.307
<b>Cộng</b>	<b>11.303.512.442</b>	<b>15.205.806.489</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,  
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chậm trả tiền hàng	500.000.000	-
Cho thuê nhà ở, văn phòng	-	6.972.222
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng	1.717.593.785	5.817.238.300
Thu nhập khác	64.620.490	509.511.786
<b>Cộng</b>	<b>2.282.214.275</b>	<b>6.333.722.308</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	227.289.289	-
Phạt vi phạm hành chính	62.192.034	105.021.679
Chi tiền đền bù giải phóng mặt bằng	82.786.545	559.884.246
Các khoản khác	857.307	31.742.058
<b>Cộng</b>	<b>373.125.175</b>	<b>696.647.983</b>

**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(41.428.348.283)	(12.091.052.856)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.425)	(708)

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.481.919.508	18.095.124.705
Chi phí nhân công	41.163.077.841	40.202.502.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.157.962.105	7.730.284.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.198.550.215	3.429.155.134
Chi phí khác bằng tiền	2.620.379.713	4.884.397.110
<b>Cộng</b>	<b>57.621.889.382</b>	<b>74.341.464.775</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>	<b>80.293.945.571 đồng</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	80.293.945.571 đồng
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>	<b>81.916.091.679 đồng</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	81.916.091.679 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su và Bộ phận kinh doanh gỗ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023:**

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	12.281.400.674	14.698.280.635	-	26.979.681.309
Tài sản không phân bổ	-	-	167.789.375.397	167.789.375.397
<b>Tổng tài sản</b>	<b>12.281.400.674</b>	<b>14.698.280.635</b>	<b>167.789.375.397</b>	<b>194.769.056.706</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	3.546.518.467	1.738.616.729	-	5.285.135.196
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	64.053.941.884	64.053.941.884
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.546.518.467</b>	<b>1.738.616.729</b>	<b>64.053.941.884</b>	<b>69.339.077.080</b>

**Tại ngày 01/01/2023**

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	15.394.073.310	14.605.491.491	-	29.999.564.801
Tài sản không phân bổ	-	-	208.670.434.336	208.670.434.336
<b>Tổng tài sản</b>	<b>15.394.073.310</b>	<b>14.605.491.491</b>	<b>208.670.434.336</b>	<b>238.669.999.137</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	3.554.901.343	2.239.045.972	-	5.793.947.315
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	66.017.723.913	66.017.723.913
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.554.901.343</b>	<b>2.239.045.972</b>	<b>66.017.723.913</b>	<b>71.811.671.228</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	50.088.928.819	12.408.649.468	-	62.497.578.287
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>50.088.928.819</b>	<b>12.408.649.468</b>	<b>-</b>	<b>62.497.578.287</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	49.957.132.043	12.526.746.235	(558.108.000)	61.925.770.278
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	131.796.776	(118.096.767)	558.108.000	571.808.009
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	131.796.776	(118.096.767)	558.108.000	571.808.009
Doanh thu từ các khoản đầu tư				53.006.170
Lãi (lỗ) khác				1.909.089.100
Chi phí tài chính				(43.962.251.562)
Lợi nhuận trước thuế				(41.428.348.283)
Chi phí thuế TNDN				-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(41.428.348.283)</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.473.344.680	17.503.877.507	-	60.977.222.187
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>43.473.344.680</b>	<b>17.503.877.507</b>	<b>-</b>	<b>60.977.222.187</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	38.771.329.793	26.191.689.861	(824.603.000)	64.138.416.654
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.702.014.887	(8.687.812.354)	824.603.000	(3.161.194.467)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.702.014.887	(8.687.812.354)	824.603.000	(3.161.194.467)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				10.073.091.144
Lãi (lỗ) khác				5.637.074.325
Chi phí tài chính				(19.403.480.312)
Lợi nhuận trước thuế				(12.091.052.856)
Chi phí thuế TNDN				-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(12.091.052.856)</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,  
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan**

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

Công ty Cổ phần TAMICO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TAMICO

Lãnh đạo chủ chốt

***Các giao dịch với các bên liên quan***

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	2.253.358.000
<b>Cổ tức</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	9.927.561.075

***Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính***

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	10.349.019.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Ông Dương Chí Bình	800.000.000	800.000.000

***Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát:***

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	227.819.700	296.571.618
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc, Thành viên HĐQT	202.420.300	263.298.870
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	183.132.800	238.032.378
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	183.132.800	238.032.378
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	183.132.800	238.032.378
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	183.132.800	238.032.378
<b>Cộng</b>	<b><u>1.186.771.200</u></b>	<b><u>1.536.000.000</u></b>

**2. CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký 312 hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm trong đó:

1 (Một) hợp đồng thuê 40.133 m<sup>2</sup> có thời hạn thuê từ ngày 21/03/2003 đến ngày 11/02/2033.  
311 hợp đồng thuê 22.065.435,8 m<sup>2</sup> có thời hạn thuê từ ngày 29/12/2017 đến ngày 15/10/2043. tổng diện tích đất thuê là 22.105.568,8 m<sup>2</sup>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Phan Hữu Bằng  
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng  
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 03 năm 2024